TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 5 - 2018
V/v xin ly hôn có yếu tố nước ngoài

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Quan

Bà Phạm Kiều Diễm

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 về việc xin ly hôn có yếu tố nước ngoài.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị M**, sinh năm: 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TAI, xã TT, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **KANG H**, sinh ngày: 29/3/1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 311-1, Gilseong, Ibanseong-m, Jinju-s, Gyeongsangnam-d, Korea.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Chị và anh Kang H biết nhau là do môi giới tại thành phố HCM, anh chị tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân huyện TH, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 23/9/2016.

Sau khi đám cưới xong đến tháng 01/2017, chị được anh Kang H bảo lãnh sang sinh sống cùng anh Kang H tại địa chỉ 311-1, Gilseong, Ibanseong-m, Jinju-s, Gyeongsangnam-d, Korea được 09 ngày thì giữa chị và anh Kang H bất đồng ngôn ngữ và cách sinh hoạt hàng ngày, nên chị đã xin gia đình chồng cho chị về Việt Nam và chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với anh Kang H từ cuối tháng 01/2017 đến nay. Vợ chồng chị không còn thông tin liên lạc với nhau.

Nay nhận thấy chị và anh Kang H không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc. Nên chị làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết những việc sau:

Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Kang H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Kang H không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị M, thì vào ngày 31/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Công văn số 53/TTTPDS-TA33 ngày 31/8/2017 thực hiện tống đạt giấy tờ tư pháp là Thông báo thụ lý vụ án số 58/TB-TLVA ngày 18/7/2017 cho bị đơn anh Kang H. Đồng thời ấn định thời gian mở phiên họp hòa giải vào lúc 14 giờ ngày 26/01/2018; thời gian mở lại phiên họp hòa giải vào lúc 14 giờ ngày 26/02/2018; Thời gian mở phiên tòa giải quyết vụ án vào lúc 08 giờ, ngày 18/4/2018; Thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 18/5/2018. Nhưng phía bị đơn anh Kang H không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và vẫn vắng mặt tại các lần hòa giải, cũng như phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Về thẩm quyền xét xử, do vụ án có đương sự là anh Kang H là người nước ngoài, nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Kang H, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ hợp lệ việc ủy thác tư pháp về tống đạt văn bản tố tụng cho anh Kang H, nhưng anh Kang H không có hồi âm và không nhận hồ sơ tống đạt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Kang H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị M: Do chị M và anh Kang H không có thời gian chung sống, hai bên bất đồng ngôn ngữ, cách sinh hoạt hàng ngày và không còn tình cảm, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị M. Về con chung, tài sản chung các bên không yêu cầu, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Kang H đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 58/TB-TLVA ngày 18/7/2017 theo quy định tại Điều 11 và 13 Luật tương trợ tư pháp và Công ước La Hay năm 1965 về tống đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại được thông qua ngày 15/11/1965 và có hiệu lực kể từ ngày 10/02/1969. Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có Công văn số 1380/CH-BTP ngày 06/10/2017 kính đề nghị Tòa án tối cao Hàn Quốc thực hiện yêu cầu tống đạt giấy tờ đối với đương sự anh Kang H. Nhưng đến ngày được Tòa án ấn định trong Thông báo thụ lý vụ án, anh Kang H vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Kang H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Kang H quen biết nhau là do có người môi giới, sau đó thì tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện TH, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 23/9/2016 là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, từ khi chị được anh Kang H bảo lãnh sang sinh sống tại chỉ chỉ cư trú của anh Kang H được 09 ngày thì giữa chị và anh Kang H bất đồng ngôn ngữ và cách sinh hoạt hàng ngày, nên chị đã về Việt Nam và chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Kang H. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Kang H không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa chị M và anh Kang H lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể duy trì, nếu kéo dài sẽ làm khổ cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, cho chị M được ly hôn với anh Kang H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị My và anh Kang H không có con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27, khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0030960 ngày 16/8/2017 của Cơ quan Thi hành dân sự tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Trần Thị M phải nộp và đã thực hiện xong.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng, chị Trần Thị M đã nộp tạm ứng chi phí thực tế ủy thác tư pháp theo biên lai thu tiền số 07338 ngày 16/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 154 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Trần Thị M phải nộp và đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 154 điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27, khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 11 và 13 Luật tương trợ tư pháp và Công ước La Hay năm 1965 về tống đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại được thông qua ngày 15/11/1965 và có hiệu lực kể từ ngày 10/02/1969.

- *Phần tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Kang H.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị M và anh Kang H không có con chung, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị M không có yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị M đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số 0005971 ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Chị M không phải nộp thêm.

5. Chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0030960 ngày 16/8/2017 của Cơ quan Thi hành dân sự tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Thị M phải nộp và đã thực hiện xong.

Chi phí thực tế ủy thác tư pháp ra nước ngoài 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 07338 ngày 16/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Thị M phải nộp và đã thực hiện xong.

6. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (18/5/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xét xử lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

Riêng anh Kang H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Đình Thi